

Số: /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5438/TTr-SGDĐT ngày 09 tháng 11 năm 2025 và Công văn số 818/SGDĐT-KHTC ngày 04 tháng 02 năm 2026; ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

2. Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, học viên là đối tượng được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Cà Mau

1. Khoảng cách

a) Học sinh bán trú tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

b) Học sinh bán trú trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên.

c) Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2. Địa bàn

Địa bàn xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là áp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, áp đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã khu vực I, khu vực II, khu vực III, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại Quyết định số 02354/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và các văn bản pháp luật quy định hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, các quy định về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Cà Mau thực hiện theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Hiệu trưởng (giám đốc) các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB&TDTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Các phòng: KGVX(L_{QĐQP01}); NC;
- Lưu: VT, KP111/02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân